

B/c BT, TT Khánh
VP đề xuất Vụ KHTC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
XI MĂNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2376 /VICEM-KHCL
V/v báo cáo tình hình TH nhiệm vụ
năm 2018 và xây dựng KH 2019

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2018

TT Khánh chỉ đạo
21/12



Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại văn bản số 2995/BXD-KHTC ngày 26/11/2018 về việc “báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và xây dựng kế hoạch năm 2019”.

Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) xin báo cáo Bộ Xây dựng các nội dung, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

1. Nhận định tình hình năm 2018

✓ Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam ước tăng trưởng 6,8%, quy mô nền kinh tế ước đạt 5,55 triệu tỷ đồng, tương đương 240,5 tỷ USD.

✓ Chỉ số giá tiêu dùng toàn phần (CPI) tăng bình quân 3,5%/năm (thấp hơn chỉ tiêu 4% của chính phủ).

✓ Thu ngân sách Nhà nước năm nay ước đạt trên 1,35 triệu tỷ đồng, tăng 3% so với dự toán và 5,5% so với 2017. Bội chi ngân sách khoảng 3,67%.

✓ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 1,89 triệu tỷ đồng, tăng 13,3%, bằng 34% GDP. Giải ngân vốn FDI đạt khá, ước đạt 18 tỷ USD, tăng 2,8% so với năm 2017. Năm 2017, giải ngân vốn FDI là 17,5 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay

(Nguồn thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

2. Toàn cảnh chung của ngành xi măng Việt Nam

✓ Dự kiến tổng sản lượng xi măng, clinke tiêu thụ tiêu thụ toàn xã hội năm 2018 khoảng 94,6 triệu tấn, tăng 17,3% so với năm 2017. Trong đó, xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 64,38 triệu tấn, tăng 6,2% so với năm 2017; xuất khẩu sản phẩm xi măng và clanhke khoảng 30,28 triệu tấn, tăng 50,5% so với năm 2017, giá trị xuất khẩu ước đạt 1,17 tỷ USD.

✓ Năm 2018 nền kinh tế cả nước đã có dấu hiệu khởi sắc, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản và cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại. Ngoài ra, các doanh nghiệp trong nước đã có những cách tiếp cận thị trường quốc tế tốt và Trung Quốc đang dùng sản xuất nhiều nhà máy xi măng.

(Nguồn thông tin của Hiệp hội Xi măng).



II. ƯỚC KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM (VICEM)

1. Về sản xuất kinh doanh

Mặc dù môi trường kinh doanh xi măng trong những tháng đầu năm 2018 còn nhiều bất lợi, nhưng VICEM và các đơn vị thành viên đã đồng thuận, nỗ lực vượt qua khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong 06 tháng cuối năm 2018, VICEM đã thực hiện nhiều giải pháp có hiệu quả trong công tác quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm quyết định đến việc hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kế hoạch của VICEM mà Bộ Xây dựng đã giao tại văn bản số 1209/BXD-QLDN ngày 24/5/2018, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đ.V.T	Kế hoạch năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh với KH năm 2018	So sánh với cùng kỳ
1	Sản xuất Clinker	1.000 tấn	19.890	20.425	103%	106%
2	Sản xuất Xi măng	1.000 tấn	24.615	24.744	101%	110%
3	Tiêu thụ SP chính (XM + Clinker)	1.000 tấn	28.019	29.340	105%	110%
a	Clinker	1.000 tấn	3.404	4.630	136%	110%
b	Xi măng	1.000 tấn	24.615	24.710	100%	110%
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	36.543	36.793	101%	101%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.660	2.785	105%	110%
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.599	1.734	108%	103%

2. Tình hình đầu tư xây dựng

❖ Tổng giá trị khối lượng thực hiện đạt 749 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch năm 2018. Tổng giá trị vốn thanh toán đạt 708,92 tỷ đồng, bằng 84,3% kế hoạch năm 2018.

❖ Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD các dự án năm 2018 đạt chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu do:

✓ Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án trình qua các cơ quan quản lý Nhà nước, địa phương nên mất nhiều thời gian (theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 thì thiết kế cơ sở trong BCNCKT, thiết kế kỹ thuật - dự toán của dự án phải trình cơ quan chuyên môn về xây dựng của địa phương.

✓ Thủ tục về ĐTXD, đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, khảo sát thăm dò trữ lượng mỏ... mất nhiều thời gian, qua nhiều cấp nên tiến độ kéo dài, các chủ đầu tư không chủ động được việc giải ngân vốn cho phần này và rất chậm (như dự án Mỏ đá vôi Ngà voi của VICEM Hải Phòng, Mỏ đá Vôi Khoe Lá, Núi Nai và Thanh Lương của VICEM Hà Tiên 1 ...).

✓ Các đơn vị thành viên chưa lường hết được những khó khăn, phức tạp khi triển khai dự án.

✓ Ngoài những nguyên nhân khách quan, năng lực một số chủ đầu tư, Ban QLDA và nhà thầu còn hạn chế.

(Chi tiết tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng tại Phụ lục số 02 kèm theo)

3. Tình hình thực hiện Đề án/ Phương án sắp xếp tái cơ cấu doanh nghiệp

3.1. Công tác Cổ phần hóa.

Ngày 31/8/2018, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2204/BXD-QLDN về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (GTDN) để cổ phần hóa Công ty mẹ - VICEM là 0h ngày 01/10/2018. VICEM đã thực hiện một số nội dung sau:

✓ Kiện toàn lại, phân công các nhóm Tổ giúp việc BCD CPH VICEM.

✓ Hoàn thiện các thủ tục để tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC là đơn vị tư vấn xác định GTDN VICEM; lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa, tổ chức bán đấu giá lần đầu, ĐHĐCĐ lần thứ nhất của VICEM.

✓ Về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa:

- Trong số 11 UBND các địa phương, đến nay 10 địa phương đã có ý kiến về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa gửi Bộ Xây dựng. Địa phương còn lại chưa có ý kiến là Thành phố Hà Nội. VICEM đã và đang làm việc, cung cấp hồ sơ, giải trình với các Sở, ngành của Thành phố Hà Nội và Bộ Tài chính để UBND TP Hà Nội có ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

- Đã hoàn thành công tác kiểm kê xác định GTDN để cổ phần hóa VICEM.

- Hồ sơ xác định GTDN: Công ty tư vấn AASC đã dự thảo Hồ sơ xác định GTDN của các đơn vị theo phương pháp tài sản. Hiện các đơn vị, các nhóm chuyên ngành đang rà soát để hoàn thiện bộ Hồ sơ để trình Bộ Xây dựng trong thời gian sớm nhất.

3.2. Công tác thoái vốn

**/ Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie:*

Ngày 19/3/2018, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 10/BXD-QLDN có ý kiến yêu cầu VICEM hoàn chỉnh Phương án chuyển giao theo quy định hiện hành để trình Bộ Xây dựng xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Hiện VICEM đang làm việc với SCIC để hoàn thiện phương án chuyển giao.

**/ Việc chuyển giao, rút toàn bộ vốn của VICEM tại Công ty CP Đô Thị xi măng Hải Phòng.*

Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1455/BXD-QLDN ngày 18/6/2018 về việc phê duyệt chủ trương giải thể Công ty CP Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng. Hiện Công ty CP Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đang thực hiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định.

**/ Thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần xi măng (CFC).*

Bộ Xây dựng đã có văn bản số 635/BXD-QLDN ngày 29/3/2018, chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ vốn của VICEM tại Công ty Tài chính cổ phần xi măng.

VICEM đã thực hiện các thủ tục lựa chọn Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng công thương Việt Nam (Vietinbank Securities) là đơn vị tư vấn thoái vốn. Hiện đang triển khai xây dựng phương án thoái vốn.

3.3 Xây dựng đề án tái cơ cấu VICEM và đề án phát triển Ngành Xi măng Việt

- Hiện nay VICEM đang được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với Bộ Xây dựng về Chiến lược phát triển Ngành Xi măng Việt Nam đồng thời tái cơ cấu VICEM gắn với cổ phần hóa để góp phần đưa Ngành Xi măng Việt Nam phát triển xanh và bền vững.

- Tổng công ty đang khẩn trương hoàn thành Đề án để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng về đề xuất Chiến lược phát triển Ngành Xi măng Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 theo hướng Ngành Công nghiệp Xi măng phát triển xanh và bền vững đáp ứng, tiếp cận với các công nghệ hiện đại của Thế giới, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Nội dung của Đề án tái cơ cấu VICEM gắn liền với Chiến lược phát triển Ngành; Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa và Chiến lược tổng thể của VICEM, hiện đang gấp rút hoàn thiện Đề án.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Nhận định về tình hình kinh tế xã hội năm 2019

✓ Tăng trưởng GDP năm 2019 ước sẽ đạt 6,6% - 6,8%. Tốc độ chỉ số giá tiêu dùng (CPI) khoảng 4%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 33-34%

✓ Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7-8%, tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%.

✓ Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2019 và năm 2020 tiếp tục khả quan. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn gặp một số thách thức. Trong đó, thách thức lớn nhất là từ bên ngoài do quy mô nền kinh tế còn hạn chế, độ mở nền kinh tế lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng, nền kinh tế sẽ chịu nhiều tác động đan xen.

✓ Năm 2019 dự kiến có 2 dây chuyền sản xuất xi măng nào đi vào vận hành. Cả nước có 84 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 101,74 triệu tấn, hoàn toàn có khả năng sản xuất đủ xi măng, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năm 2019 (bao gồm cả xi măng tiêu thụ nội địa và clanhke, xi măng xuất khẩu). Dự báo tiêu thụ xi măng toàn ngành khoảng 98-99 triệu tấn, tăng 6-8% so với năm 2018, trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 69-70 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 29-30 triệu tấn...

✓ Hiện nay, sản lượng xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể tăng lên thì xuất khẩu xi măng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh nhiều hơn. Các doanh nghiệp cần nắm bắt diễn biến thị trường xi măng thế giới để điều chỉnh kịp thời hoạt động sản xuất, giá bán ổn định; có chiến lược dài hạn về hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Một số chỉ tiêu chính dự kiến kế hoạch năm 2019

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự báo thị trường và tốc độ tăng trưởng của năm 2019 (đạt mức tăng trưởng từ 6,6% đến 6,8% theo chỉ đạo của Chính phủ), VICEM đang xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với mục tiêu cải thiện chất lượng tăng trưởng, dự kiến một số chỉ tiêu chính của năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đ.V.T	Kế hoạch năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự kiến KH năm 2019	% KH 2019 với KH năm 2018	% so sánh KH 2019 với TH năm 2018
1	Sản xuất Clinker	1.000 tấn	19.890	20.425	20.498	103%	100%
2	Sản xuất Xi măng	1.000 tấn	24.615	24.744	26.765	109%	108%
3	Tiêu thụ SP chính (XM + Clinker)	1.000 tấn	28.019	29.340	30.915	110%	105%
a	Clinker	1.000 tấn	3.404	4.630	4.300	126%	93%
b	Xi măng	1.000 tấn	24.615	24.710	26.615	108%	108%

4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	36.543	36.717	42.075	115%	115%
---	----------------	---------	--------	--------	--------	------	------

- Năm 2019: Dự kiến tốc độ tăng trưởng về sản lượng sản xuất xi măng tăng 8% và tổng sản phẩm tiêu thụ tăng 5% (trong đó xi măng tiêu thụ tăng 8%) so với ước thực hiện năm 2018.

- Và tổng doanh thu tăng 15% so với ước thực hiện năm 2018.

3. Các giải pháp trong từng lĩnh vực

Để đạt được mục tiêu nói trên, VICEM sẽ tiếp tục kiên trì thực hiện các giải pháp mà Chính phủ và Bộ Xây dựng đang chỉ đạo trong triển khai thực hiện Đề án đề xuất chiến lược phát triển Ngành Xi măng Việt Nam và tái cơ cấu gắn với cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước, trong đó tập trung vào các lĩnh vực chủ chốt sau:

3.1. Về lĩnh vực sản xuất

- Tăng cường kiểm soát, quản lý chất lượng nguyên, nhiên vật liệu, bán thành phẩm và sản phẩm của các đơn vị; Tiếp tục tìm giải pháp tối ưu hóa để tăng sản lượng, hiệu quả.

- Kiểm soát, quản lý sửa chữa, giảm chi phí, giảm thời gian sửa chữa góp phần nâng cao năng suất dây chuyền sản xuất.

3.2. Về tiêu thụ sản phẩm

• Công tác thị trường trong nước:

- Ngay từ cuối năm 2018, VICEM đã rà soát kế hoạch tiêu thụ và yêu cầu các công ty thành viên tìm mọi biện pháp để tăng sản lượng xi măng, thị phần, tăng cơ cấu xi măng bao tại các địa bàn có thị phần thấp, giữ vững và tăng thị phần tại địa bàn cốt lõi, có lợi thế về vận chuyển.

- Các Công ty phối hợp thị trường chặt chẽ, minh bạch để cùng mở rộng thị trường tại những địa bàn mà thị phần của VICEM còn thấp, thống nhất chính sách bán hàng để xây dựng mức giá phù hợp.

- Nâng cao và giữ ổn định chất lượng sản phẩm, tăng các sản phẩm truyền thống, có thế mạnh về thương hiệu, giảm các sản phẩm kinh doanh không hiệu quả.

- Tổ chức, sắp xếp bộ máy tiêu thụ của các đơn vị theo hướng tinh giảm, chuyên nghiệp để phù hợp với kinh doanh hiện đại.

- Xây dựng bộ công cụ quản lý chính sách bán hàng để sử dụng các hình thức chiết khấu, khuyến mại đúng mục đích nhằm thúc việc bán hàng và gia tăng lợi ích của hệ thống phân phối.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý giá bán, địa bàn, đảm bảo kiểm soát được hàng đến đúng địa bàn tiêu thụ.

- Đẩy mạnh xây dựng và quảng bá thương hiệu VICEM trên các phương tiện truyền thông.

- Tiếp tục thực hiện chương trình tối ưu hóa logistic, tăng cường lượng xi măng cho thị trường Miền Nam, Miền Trung và Tây Nguyên.

- Công tác xuất khẩu:

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác dự báo, thông tin thị trường trong và ngoài nước để các đơn vị linh hoạt giao dịch xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất.

- Tìm kiếm và giới thiệu khách hàng nhập khẩu tới các đơn vị sản xuất và kinh doanh của VICEM để trực tiếp đàm phán và ký hợp đồng xuất khẩu.

3.3. Về lĩnh vực tài chính

- Xây dựng bộ chỉ số để kiểm soát hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên.

- Kiểm soát dòng tiền, công nợ trong nội bộ VICEM để có chính sách điều hành linh hoạt nhằm hỗ trợ các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả chung của VICEM.

- Cân đối và huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển của VICEM.

3.4. Về công tác đầu tư xây dựng: Dự kiến năm 2019 như sau:

- Tổng giá trị khối lượng : 889,501 tỷ đồng.

- Tổng giá trị giải ngân : 997,361 tỷ đồng.

Các giải pháp thực hiện:

- Tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại các dự án.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc hỗ trợ Ban QLDA, chủ đầu tư.

- Thường xuyên giao ban tiến độ đầu tư xây dựng các Dự án để có biện pháp giải quyết kịp thời vướng mắc trong quá trình triển khai đầu tư.

3.5 Thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp

- Tăng cường phối hợp báo cáo các Bộ, Ngành, địa phương để hoàn thành phê duyệt phương án sử dụng đất và giá đất sau cổ phần hóa của VICEM: Dự kiến hoàn thành trước 31/12/2018.

- Hoàn thiện và trình Bộ Xây dựng bộ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VICEM: Dự kiến trước 15/01/2019.
- Trình Bộ Xây dựng phương án Cổ phần hóa: Dự kiến trước 10/06/2019.
- Tiếp tục làm việc với SCIC để hoàn thiện phương án chuyển giao báo cáo Bộ Xây dựng. Hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie.
- Hoàn thành việc thu hồi vốn đầu tư của VICEM tại Công ty CP Đô Thị xi măng Hải Phòng và hoàn thiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định.
- Hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần xi măng (CFC).
- Nghiên cứu, xem xét thoái vốn tại một số đơn vị, triển khai theo nội dung Đề án tái cơ cấu VICEM đến năm 2025 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

IV. CÁC KIẾN NGHỊ

1. Thành tích của năm 2018, bên cạnh sự nỗ lực cố gắng, VICEM đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Bộ Xây dựng. VICEM mong muốn tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, quan tâm của Chính phủ, Bộ Xây dựng, các Bộ, Ngành Trung ương, địa phương để hoàn thành mục tiêu năm 2019.

2. Đề nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ, giúp đỡ VICEM trong việc hoàn thiện thủ tục sắp xếp cơ sở nhà đất của UBND Thành phố Hà Nội để Tổng công ty hoàn thành công tác cổ phần hóa.

Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam kính báo cáo Bộ Xây dựng.

Xin chân thành cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (để b/cáo);
- P.QLTT&TH;
- P.TC&NNL; P.TCKT;
- P.QLĐTXD;
- Lưu: VT, KHCL. *hale*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hồng Minh

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018

(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018).

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm báo cáo (*)				Ước thực hiện tháng báo cáo				Ước thực hiện từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo				Thực hiện cùng kỳ năm trước				Tỷ lệ (%)	
		Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Thực hiện từ đầu năm so với kế hoạch	Thực hiện từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
			Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	17=9/1	18=9/13
I	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh = (1+2+3)	816.850,87	5.445,89	419.788,12	391.616,86	428.646,46	1.380,70	211.310,58	216.477,18	785.544,76	5.266,92	479.908,24	300.369,59	642.341,26	33.367,47	30.194,93	578.778,85	96%	122%
1	Giá trị xây lắp	780.438,00	3.799,00	412.197,00	364.442,00	424.835,20	1.260,10	210.466,00	213.631,11	749.017,20	3.606,10	472.005,00	273.406,11	606.397,00	30.654,00	22.566,00	553.177,00	96%	124%
2	Giá trị CN VLXD (giá hiện hành)	28.395,27		7.591,12	20.804,15	3.130,92		844,58	2.286,34	28.982,90		7.903,24	21.079,65	26.548,90		7.628,93	18.919,97	102%	109%
3	Giá trị SXKD khác	8.017,60	1.646,89		6.370,71	680,34	120,60		559,73	7.544,66	1.660,83		5.883,83	9.395,36	2.713,47		6.681,88	94%	80%

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ XUẤT NHẬP KHẨU

Năm 2018

(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện tháng báo cáo	Ước thực hiện từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %
						Thực hiện từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4=2/3
	Tổng giá trị Kim ngạch Xuất nhập khẩu (I+II)	1.000 USD	7.050	113.610	94.197	121%
I	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	550	12.210	16.408	74%
II	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	6.500	101.400	77.789	130%

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

Biểu số: 01c-SP/DN

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Năm 2018

(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

TT	Các sản phẩm chính	Đơn vị tính	Kế hoạch sản xuất năm báo cáo	Ước sản xuất tháng báo cáo	Ước sản xuất từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Ước sản phẩm tiêu thụ đến cuối kỳ báo cáo	Sản xuất cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %	
								Thực hiện sản xuất từ đầu năm so với Kế hoạch	Thực hiện sản xuất từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=3/1	7=3/5
I	Sản phẩm chính								
1	Xi măng	1.000 tấn	24.615	2.815	24.744	24.395	22.527	101%	109,8%
2	Clinker	1.000 tấn	19.890	1.897	20.425	4.630	19.295	103%	105,9%

BÁO CÁO CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2018

(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

TT	Nội dung	Số lượng (Dự án)	Kế hoạch vốn năm 2018 (Tỷ đồng)	Ước Thực hiện Quý IV năm 2018 (Tỷ đồng)	Luỹ kế thực hiện năm 2018 (Tỷ đồng)	% TH so với KH năm (%)	Ghi chú
(1)	A	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	B
I	Tổng cộng chung	21	840.781,21	246.424,21	708.919,21	84,3%	
1	Đầu tư các dự án phát triển nhà và khu đô thị	3	230.966,21	111.085,10	141.902,10	61,4%	
2	Đầu tư các dự án xi măng	12	604.095,00	135.339,12	567.015,12	93,9%	
3	Đầu tư các dự án sản xuất VLXD khác	0	-	-	-		
4	Đầu tư các dự án sản xuất điện	5	5.020,00	-	2,00	0,0%	
5	Đầu tư vào các lĩnh vực khác	1	700,00	-			
II	Tổng cộng Công ty mẹ	1	50.465,21	1.740,10	4.086,10	8,1%	
1	Đầu tư các dự án phát triển nhà và khu đô thị	1	50.465,21	1.740,10	4.086,10	8,1%	
2	Đầu tư các dự án xi măng	0	-	-	-		
3	Đầu tư các dự án sản xuất VLXD khác	0	-	-	-		
4	Đầu tư các dự án sản xuất điện	0	-	-	-		
5	Đầu tư vào các lĩnh vực khác	0	-	-	-		

BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUÍ IV NĂM 2018
(Kèm theo văn bản số 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

Đơn: Triệu đồng

TT	Loại công trình	Địa điểm Xây dựng	Khởi công, hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện từ khởi công đến 1/1/2018	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến 1/1/2018	Kế hoạch vốn năm 2018			Ước Vốn đầu tư xây dựng trong quý IV năm 2018	Ước Thực hiện năm 2018			Tỷ lệ % hoàn thành (TH/KH)	Ghi chú		
								Tổng số	Trong đó phân ra			Tổng số	Giải ngân					
									Vốn Nhà nước	Vốn TDTM			Nguồn vốn khác	Vốn Nhà nước			Vay trong nước	Vốn khác
I	A	B	C	D	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10/5	E
	TỔNG CỘNG				12.927.613	2.771.672	2.319.656	840.781		333.999	506.782	246.424	708.919	-	273.820	435.099	84,3%	
	Phân theo loại hình doanh nghiệp				12.927.613	2.771.672	2.319.656	840.281		333.999	506.282	-						
	Công ty mẹ				2.743.758	1.423.446	1.226.418	50.465	-	-	50.465	-						
	Công ty THHH MTV				1.534.221	61.995	82.599	339.647		293.582	46.065	-						
	Công ty Cổ phần				8.649.634	1.286.231	1.010.638	450.169		40.417	409.752	-						
	<i>Dự án nhóm A</i>				8.743.758	1.461.210	1.240.816	81.506	-	27.180	54.326	10.303	12.649	-	8.563	4.086	15,5%	
	<i>Dự án nhóm B</i>				4.183.855	1.310.462	1.078.839	759.275	-	306.819	452.456	236.121	696.270	-	265.257	431.013	91,7%	
A	CÔNG TY MẸ VICEM				2.743.758	1.423.446	1.226.418	50.465	-	-	50.465	1.740	4.086	-	-	4.086	8,1%	
	<i>Dự án nhóm A</i>				2.743.758	1.423.446	1.226.418	50.465	-	-	50.465	1.740	4.086	-	-	4.086	8,1%	
I	Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem	Cầu giấy - Hà Nội	2011-2017	31 tầng	2.743.758	1.423.446	1.226.418	50.465	-	-	50.465	1.740	4.086	-	-	4.086	8,1%	
B	CÔNG TY 100% VỐN VICEM				1.534.221	61.995	82.599	339.647		293.582	46.065	60.797	356.863	-	253.382	103.481	105,1%	
I	VICEM HẢI PHÒNG				170.525	37.821	36.064	12.853	-	-	12.853	6.116	11.927	-	11.927	-	92,8%	
	<i>Dự án nhóm B</i>				170.525	37.821	36.064	12.853	-	-	12.853	6.116	11.927	-	11.927	-	92,8%	
II	VICEM HOÀNG THẠCH				1.363.696	24.174	46.535	326.794		293.582	33.212	54.681	344.936	-	241.455	103.481	105,6%	
	<i>Dự án nhóm B</i>				1.363.696	24.174	46.535	326.794		293.582	33.212	54.681	344.936	-	241.455	103.481	105,6%	
C	CÔNG TY TRÊN 50% VỐN VICEM				8.649.634	1.286.231	1.010.638	450.169		40.417	409.752	183.887	347.970	-	20.438	327.532	77,3%	
I	VICEM BÚT SƠN				-	750	-	1.950	-	-	1.950	-	-	-	-	-	0,0%	
	<i>Dự án nhóm B</i>				-	750	-	1.950	-	-	1.950	-	-	-	-	-	0,0%	
II	VICEM BỈM SƠN				935.474	550.435	429.628	155.757	-	-	155.757	54.228	154.013	-	11.403	142.610	98,9%	
III	VICEM HOÀNG MAI				6.000.000	37.764	14.398	31.041		27.180	3.861	8.563	8.563	-	8.563	-	27,6%	
IV	VICEM HÀ TIÊN 1				909.623	37.399	38.711	78.448	-	10.800	67.648	11.279	47.106	-	-	47.106	60,0%	
V	VICEM HẠ LONG				-	-	-	2.972	-	2.437	535	472	472	-	472	-	15,9%	
VI	VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG				804.537	659.883	527.901	180.001		-	180.001	109.345	137.816	-	-	137.816	76,6%	
VI	VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG				-	-	-	500		-	500	-	-	-	-	-	0,0%	
	<i>Dự án nhóm B</i>				-	-	-	500		-	500	-	-	-	-	-	0,0%	

TT	Loại công trình	Địa điểm Xây dựng	Khởi công, hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện từ khởi công đến 1/1/2018	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến 1/1/2018	Kế hoạch vốn năm 2018			Ước Vốn đầu tư xây dựng trong quý IV năm 2018	Thực hiện năm 2018			Tỷ lệ % hoàn thành (TH/KH)	Ghi chú		
								Tổng số	Trong đó phân ra			Tổng số	Giải ngân					
									Vốn Nhà nước	Vốn TDTM			Nguồn vốn khác	Vốn Nhà nước			Vay trong nước	Vốn khác
1	A	B	C	D	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10/5	E
1	Tòa nhà Giáp Nhị (Hỗn hợp văn phòng làm việc, thương mại, nhà ở của Vicem Thương mại Xi măng)	Phố Phan Đình Giót, HN	Chưa k/c	20 tầng				500			500	-	-			-	0,0%	

Ghi chú:

- Dự án chuẩn bị đầu tư: Năm 2018 chủ yếu thực hiện lập chủ trương đầu tư và báo cáo đầu tư. Riêng dự án Khai thác mỏ đá vôi Thanh Lương thực hiện triển khai thêm công tác giải phóng mặt bằng
- Dự án thực hiện đầu tư: Các dự án đã có quyết định đầu tư, năm 2018 thực hiện các công việc theo tiến độ được duyệt.
- Dự án hoàn thành: "Dự án Đầu tư XDCT mỏ đá vôi núi Khoe Lá" hoàn thiện thiết kế và thanh toán khối lượng đã thực hiện để xã hội hóa việc khai thác, không tiếp tục đầu tư.
- Các dự án Gạch không nung Đông Hồi, Cảng biển Vicem tại Đông Hồi: Dừng triển khai, năm 2018 hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng dự án.
- Dự án Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy: Dừng triển khai, năm 2018 nghiên cứu đánh giá lại dự án, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán các công việc đã thực hiện, nghiên cứu để có phương án đầu tư phù hợp.
- Dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn: Năm 2018 sẽ không thực hiện đầu tư, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn cần nghiên cứu, đánh giá lại hình thức đầu tư dự án để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.
- Dự án xi măng Hoàng Mai 2 (bao gồm cả Trạm nghiền Đông Hồi): Dự án chưa được phê duyệt tổng mức đầu tư (Tổng mức đầu tư là dự kiến)
- (*) Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem: Hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán các công việc đã thực hiện, nghiên cứu để có phương án đầu tư phù hợp để báo cáo Bộ Xây dựng.
- (**) Dự án Bảo tàng Xi măng Việt Nam: Dự án sử dụng vốn khác, đang trong giai đoạn nghiên cứu lập đề án để xem xét về quy mô, nguồn vốn, hình thức hoạt động ... báo cáo Bộ Xây dựng
- (***) Tòa nhà Giáp Nhị (Hỗn hợp văn phòng làm việc, thương mại, nhà ở của Vicem Thương mại Xi măng): Năm 2018 tìm đối tác triển khai dự án và lập quy hoạch 1/500, lập báo cáo chủ trương đầu tư.

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

Biểu số: 02c - ĐTTH/DN

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2018

(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018		Ước thực hiện quý IV/2018		Ước Lũy kế thực hiện năm 2018		% TH so với KH năm (%)	Ghi chú
		Số lượng (Dự án)	Kế hoạch vốn	Số lượng (Dự án)	Khối lượng (Vốn đầu tư)	Số lượng (Dự án)	Khối lượng (Vốn đầu tư)		
I	A	2	3	4	5	6	7	8=5/3	B
	TỔNG CỘNG								
I	Phân theo tiến độ	21	840.781	21	246.424	21	708.919	29,3%	
	Dự án khởi công mới trong năm	16	117.311	16	20.914	16	56.797	17,8%	
	Dự án chuyển tiếp trong năm	4	543.469	4	116.165	4	514.306	21,4%	
	Dự án hoàn thành trong năm	1	180.001	1	109.345	1	137.816	60,7%	
II	Phân theo nhóm dự án	21	840.781	21	246.424	21	708.919	29,3%	
	Dự án nhóm A	2	81.506	2	10.303	2	12.649	12,6%	
	Dự án nhóm B	19	759.275	19	236.121	19	696.270	31,1%	

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

Biểu số:03-TC/BCDN

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018
(Kèm theo văn bản số: 2376 /VICEM-KHCL ngày 19 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp của NN (%)	Doanh thu			Vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận trước thuế		Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm nay	Dự kiến thực hiện năm nay	Thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện năm nay	Thực hiện năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện năm nay
A	B	1	2	3	5	6	7	8	10	11	12
	Toàn Tổng công ty		36.606.051	36.453.437	36.717.084			2.524.814	2.785.319		
I	Công ty mẹ		2.713.474	1.646.883	1.662.019	14.450.429	14.744.948	1.403.496	981.734	9,71	6,66
										
II	Các công ty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn		7.273.994	7.609.685	7.980.051	4.087.767	4.087.767	487.042	554.587,52	11,91	13,57
										
III	Các công ty con do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn		26.618.583	27.196.869	27.075.014	11.640.112	11.842.523	634.276,45	843.377,75	5,45	7,12
										

Ghi chú:

- Số liệu thực hiện năm trước của các Cty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn điều lệ được lấy theo BCTC sau kiểm toán của các Cty con
- Số liệu kế hoạch năm nay thực hiện theo văn bản số 1209/BXD-QLDN ngày 24/5/2018 của Bộ Xây dựng.
- Số liệu Ước năm 2018 lấy theo báo cáo giao ban tháng 11/2018 của VICEM. Doanh thu hợp nhất năm 2018 tính bằng số cộng ngang nhân tỷ lệ bình quân quy đổi 5 năm gần nhất.

